

I. Phần trắc nghiệm:

Bài 1. Em hãy khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1) Số 27,014 được đọc là:

- A. Hai mươi bảy mươi bốn.
- B. Hai mươi bảy phẩy không trăm mười bốn.
- C. Hai mươi bảy phẩy mười bốn.
- D. Hai bảy mươi bốn.



2) Số thập phân gồm có *Ba mươi lăm đơn vị, chín phần nghìn* được viết là:

- A. 35,9
- B. 35,09
- C. 3,509
- D. 35,009



3) Diện tích của hình chữ nhật có chiều dài bằng 15cm, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài là:

- A. 150cm^2
- B. 100cm^2
- C. 70cm^2
- D. 250cm^2



4) **17 890ha =km²**

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 17,89

B. 178,9

C. 1,789

D. 17,98



II. Phần tự luận:

Bài 1. Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) $10,15\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

b) $7\text{km } 120\text{m} = \dots\dots\dots\text{km}$

c) $6 \text{ tấn } 45\text{kg} = \dots\dots\dots\text{tấn}$

d) $0,5\text{ha} = \dots\dots\dots\text{m}^2$

e) $4,6\text{km} = \dots\dots\dots\text{m}$

f) $5 \text{ tạ } 15\text{kg} = \dots\dots\dots \text{ tạ}$

g) $7\text{ha } 6\text{dam}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

h) $57,8 \text{ tạ} = \dots\dots\dots\text{kg}$



Bài 2. Viết các số đo độ khối lượng dưới đây theo thứ tự tăng dần:

7 tấn ; 8,95 tạ ; 546 yến ; 2 tấn 50kg



Bài 3.

a) Tìm x :

$$8 : x = \frac{3}{4}$$

$$x = \frac{\boxed{}}{\boxed{}} \div \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$

$$x = \frac{\boxed{}}{\boxed{}} = \boxed{} \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$



b) Tính:

$$3\frac{4}{7} + 5 : \frac{2}{3}$$

$$= \frac{\boxed{}}{\boxed{}} \div \frac{\boxed{}}{\boxed{}} \div \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$

$$= \frac{\boxed{}}{\boxed{}} \div \frac{\boxed{}}{\boxed{}} \div \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$

$$= \frac{\boxed{}}{\boxed{}} \div \frac{\boxed{}}{\boxed{}} = \frac{\boxed{}}{\boxed{}} = \boxed{} \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$

Bài 4. Một sân trường hình chữ nhật có nửa chu vi là 90m, chiều dài hơn chiều rộng 14m. Tính diện tích sân trường đó?

Tóm tắt:

Bài giải:

